

Số: 666/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo hệ chuẩn
ngành Luật Kinh tế - trình độ đại học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học tại Học viện;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-HVCSPT ngày 12/05/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật và điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển năm 2021;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo hệ chuẩn ngành Luật Kinh tế - trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ Khóa 12 tuyển sinh năm 2021 của Học viện Chính sách và Phát triển. (có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các Khoa/Viện/Bộ môn, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Trần Trọng Nguyên



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 666/QĐ-HVCSPT ngày 31 tháng 8 năm 2021
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO: LUẬT KINH TẾ
MÃ SỐ: 7380107
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: LUẬT ĐẦU TƯ – KINH DOANH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Luật Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý kinh tế; có kiến thức chuyên sâu về pháp luật trong các lĩnh vực kinh tế đặc biệt chú trọng pháp luật doanh nghiệp, pháp luật đầu tư, pháp luật đấu thầu, luật thương mại quốc tế; có tư duy khoa học, độc lập và sáng tạo; có khả năng tự nghiên cứu bổ sung kiến thức, tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực tư tưởng chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế học, chính sách công và pháp luật và nhà nước cũng như khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề cơ bản đó trong bối cảnh thực tiễn Việt Nam hiện nay.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu gồm: lý thuyết, nguyên lý và phương pháp vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, pháp lý, có khả năng tự cập nhật những thay đổi của pháp luật sau khi tốt nghiệp.

1.2.2. Về kỹ năng

- Chương trình đào tạo định hướng sinh viên đạt được những kỹ năng chuyên môn cơ bản như: áp dụng các quy định pháp luật để giải quyết các công việc hàng ngày; đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật, tránh các rủi ro pháp lý; tư vấn, soạn thảo các văn bản pháp lý liên quan tới doanh nghiệp trong giao dịch, hợp đồng, đầu tư; đề xuất phương án và tham gia xử lý những tình huống pháp lý phát sinh trong kinh doanh, cạnh tranh, giải quyết tranh chấp kinh tế;

- Cung cấp cho sinh viên cơ hội thực hành nghề nghiệp trong quá trình học bao gồm: vận dụng kiến thức nghiệp vụ trong học tập và công tác;

- Hình thành cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc; khả năng thuyết trình; tham gia cộng tác, liên hệ học hỏi trao đổi, làm việc; có ý thức hợp tác, trung thực, chủ động trong làm việc nhóm; có bản lĩnh trình bày quan điểm riêng trong việc giải quyết những vấn đề pháp lý.

1.2.3. Về thái độ

Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Vị trí việc làm chương trình đào tạo: cán bộ pháp lý, cán bộ quản trị trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước hoặc cơ quan tư như công ty luật hay văn phòng công chứng; nghiên cứu viên, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo luật; nghiên cứu, thực hành pháp luật tại các đơn vị dịch vụ tư vấn pháp luật, các tổ chức xã hội.

Nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Trong các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan trung ương và địa phương, đảm nhiệm vai trò công chức, cán bộ nghiên cứu, soạn thảo chính sách, dịch vụ công, tổ chức thực thi pháp luật về kinh tế, tài chính, đất đai, môi trường; có thể đảm nhiệm các chức danh tư pháp trong các cơ quan kiểm sát, tòa án, thi hành án;

- Trong doanh nghiệp, tổ chức kinh tế với vai trò chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực thương mại, đầu tư trong nước và quốc tế, hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, các vấn đề liên quan đến bảo hộ sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp;

- Cơ quan nghiên cứu, giảng dạy, làm việc trong các viện nghiên cứu quản lý hành chính nhà nước;

- Độc lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý;

- Các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội: các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức chính trị - xã hội, cộng tác tại các tổ chức quốc tế liên chính phủ và các tổ

chức quốc tế phi chính phủ tại các nước và tại Việt Nam (đảm nhiệm các công việc liên quan đến các lĩnh vực của công pháp, tư pháp quốc tế).

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học

Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Về kiến thức

a. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;
2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh;
3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu;
4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách;
5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

b. Kiến thức chuyên sâu

6. Hiểu về nguyên tắc và tổ chức hệ thống cơ quan quản lý hành chính nhà nước, nhân sự trong bộ máy hành chính, vận dụng pháp luật trong thực hiện thủ tục hành chính, xử lý vi phạm hành chính, khiếu nại và tố cáo;
7. Hiểu về quan hệ dân sự, vận dụng quy định pháp luật dân sự trong các vấn đề thực tiễn phát sinh liên quan tới giao dịch dân sự, hợp đồng, nghĩa vụ, thừa kế...; hiểu về trình tự tố tụng dân sự;
8. Hiểu về tội phạm, cấu thành tội phạm, trách nhiệm hình sự, hình phạt; hiểu về trình tự tố tụng hình sự;
9. Hiểu về các loại hình doanh nghiệp và quy trình thành lập, tái cơ cấu, giải thể, phá sản doanh nghiệp;

10. Hiểu về quan hệ thương mại, quyền và nghĩa vụ của thương nhân; hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; xúc tiến thương mại;
11. Hiểu về các hình thức đầu tư, quy trình và thủ tục đầu tư và đầu tư ra nước ngoài, lưu chuyển vốn đầu tư và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, các hiệp định về đầu tư; các hình thức đầu tư có sử dụng vốn của Nhà nước;
12. Hiểu về các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế, xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong tư pháp quốc tế; thương mại quốc tế, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế;
13. Hiểu về các lĩnh vực pháp luật khác như: pháp luật đấu thầu; pháp luật lao động, pháp luật sở hữu trí tuệ, đất đai, môi trường, giao dịch điện tử; bảo hiểm; cạnh tranh; tài chính – ngân hàng...

2.2 Về kỹ năng

a. Kỹ năng nghề nghiệp

14. Kỹ năng soạn thảo văn bản: hồ sơ thủ tục hành chính; hợp đồng dân sự, di chúc, đơn khởi kiện và văn bản khác trong quan hệ dân sự; đơn khiếu nại, đơn tố cáo trong quan hệ hành chính;
15. Kỹ năng tư vấn, đàm phán: tư vấn, đàm phán hợp đồng thương mại, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại;
16. Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình: hùng biện, phản biện, tranh luận; làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học, phát hiện và giải quyết các tình huống pháp lý.

b. Kỹ năng mềm

17. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo;
18. Có khả năng sử dụng Ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế;
19. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

2.3 Năng lực tự chủ về chịu trách nhiệm

20. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

TT	Mã học phần	Môn học/ Học phần	Chuẩn đầu ra																					
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
35	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh											x					x	x					
36	LUKT19	Luật thương mại quốc tế																x	x					
2.2.2. Ngành tự chọn																								
37	LUKT13	Công pháp quốc tế	x					x																
38	LUKT21	Pháp luật cộng đồng ASEAN	x									x												
39	LUKT14	Tư pháp quốc tế	x																					
40	LUKT24	Luật lao động																						
41	QHBV01	Phát triển bền vững	x																					
42	TCKK25	Thị trường chứng khoán	x																					x
2.3. Kiến thức chuyên ngành																								
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc																								
43	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp											x											
44	LUKT26	Pháp luật về đầu tư																						
45	LUKT18	Luật thương mại																						
46	LUKT23	Luật cạnh tranh																						
47	LUKT17	Luật đầu tư quốc tế																						
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn																								
48	LUKT22	Pháp luật tài chính và ngân hàng																						
49	LUCS03	Luật và chính sách công																						
50	LUKT25	Luật sở hữu trí tuệ																						

TT	Mã học phần	Môn học/ Học phần	Chuẩn đầu ra																				
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
51	LUKT28	Luật đất đai													x			x					
52	LUKT29	Luật môi trường													x			x					
53	LUKT32	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng													x			x					
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp																							
54	KLIN	Khóa luận tốt nghiệp													x			x					
55	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp																					
56	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp nâng cao													x			x					
57	LUKT26	Pháp luật về đầu tư nâng cao													x			x					

4. Thời gian đào tạo: 3.5 năm – 04 năm.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 126 tín chỉ

6. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

8. Cách thức đánh giá (thang điểm)

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

9. Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&QP)	38	30%
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	88	70%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	28	22%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	19	15%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	7%
2.2. Kiến thức ngành	25	20%
2.2.1. Ngành bắt buộc	16	13%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	7%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	25	20%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	16	13%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	7%
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	8%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	126	100%

10. Nội dung chương trình

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm TACB1, GDTC&QP)			38	30%
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1
2	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
3	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
4	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
5	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
6	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
7	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
8	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
9	THLĐ07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
12	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
13	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	4
14	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
15	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
16	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	
17	GDTC06	Giáo dục thể chất 1*	2	1
18	GDTC07	Giáo dục thể chất 2*	2	2
19	GDTC08	Giáo dục thể chất 3*	2	3
2. Kiến thức giáo dục ngành				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 28 tín chỉ			28	
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc: 19 tín chỉ			19	15%
20	LULL07	Lý luận Nhà nước và Pháp luật	4	1
21	LUKT07	Luật Hiến pháp	3	2
22	CSCS11	Chính sách công	3	3
23	LUKT09	Luật Dân sự	4	3

24	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	4
25	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	5
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn			9	7%
26	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
27	LUKT31	Tư duy pháp lý	3	3
28	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	4
29	ĐNQTO9	Kinh tế quốc tế	3	4
30	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	5
31	LUKT20	Luật Hiến pháp nước ngoài	3	6
2.2. Kiến thức ngành			25	
2.2.1. Ngành bắt buộc			16	13%
32	LUKT10	Luật Hành chính	3	2
33	LUKT08	Luật Hình sự	3	3
34	LUKT11	Pháp luật Tố tụng Dân sự và Tố tụng Hình sự	3	5
35	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	6
36	LUKT19	Luật thương mại quốc tế	4	7
2.2.2. Ngành tự chọn			9	7%
37	LUKT13	Công pháp quốc tế	3	5
38	LUKT21	Pháp luật cộng đồng ASEAN	3	5
39	LUKT14	Tư pháp quốc tế	3	6
40	LUKT24	Luật lao động	3	6
41	QHBV01	Phát triển bền vững	3	6
42	TCCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6
2.3. Kiến thức chuyên ngành			25	
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc			16	13%
43	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp	3	4
44	LUKT26	Pháp luật về đầu tư	4	4
45	LUKT18	Luật thương mại	3	5

46	LUKT23	Luật cạnh tranh	3	7
47	LUKT17	Luật đầu tư quốc tế	3	7
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn			9	7%
48	LUKT22	Pháp luật tài chính và ngân hàng	3	6
49	LUCS03	Luật và chính sách công	3	6
50	LUKT25	Luật sở hữu trí tuệ	3	7
51	LUKT28	Luật đất đai	3	7
52	LUKT29	Luật môi trường	3	7
53	LUKT32	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	7
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ			10	8%
54	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
55	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
56	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp nâng cao	3	8
57	LUKT26	Pháp luật về đầu tư nâng cao	3	8
TỔNG SỐ (Không bao gồm TACB1, GDTC & Quốc phòng):			126	

Ghi chú: () Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*